

Phụ lục VI

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số.../QĐ-SGDVN ngày..... của Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam về Quy chế Công bố thông tin tại Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam)

Công ty Cổ phần
Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Số/No: 2-188/26/Taya-Vn-cbtt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Đồng Nai, ngày 18 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh

- Tên tổ chức: Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
 - Mã chứng khoán: TYA
 - Địa chỉ: số 1, đường 1A, Khu công nghiệp Biên Hòa II, phường Trảng Biên, Thành phố Đồng Nai
 - Điện thoại liên hệ: 0251-3836361-4 Fax: 0251-3836388
 - E-mail: vndnstock@mail.taya.com.tw
- Nội dung thông tin công bố:
Báo cáo tài chính soát xét bán niên năm 2026 Tổng hợp
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 18/08/2026 Tại đường dẫn: www.taya.com.vn Mục Quan hệ cổ đông→Báo cáo kiểm toán năm - bán niên

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố

Tài liệu đính kèm:

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya Việt Nam
Người UQ CBTT


LINH THIN PAU
(Trưởng phòng Quản lý Chứng khoán)



**Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện
Taya (Việt Nam)**

Báo cáo tài chính giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2026



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty

Giấy phép Đầu tư số	414/GP	ngày 7 tháng 9 năm 1992
	414/GPĐC	ngày 14 tháng 2 năm 1995
	414/GPĐC1	ngày 31 tháng 10 năm 1995
	414/GPĐC2	ngày 9 tháng 1 năm 1996
	414/GPĐC3	ngày 30 tháng 7 năm 1997
	414/GPĐC4	ngày 19 tháng 9 năm 1997
	414/CPH/GP	ngày 7 tháng 10 năm 2005
	414/CPH/GCNĐC1-BKH	ngày 25 tháng 10 năm 2006
	do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp	
	414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN	ngày 16 tháng 5 năm 2003
	414/GPĐC2-BKH-KCN-ĐN	ngày 23 tháng 6 năm 2003
	414/GPĐC3-BKH-KCN-ĐN	ngày 7 tháng 5 năm 2004
	414/GCNĐC2/47/2	ngày 6 tháng 9 năm 2007
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thành phố Đồng Nai)	

Giấy Chứng nhận Đăng ký Đầu tư số	472033000584	ngày 11 tháng 7 năm 2008
	472033000584	ngày 18 tháng 12 năm 2008
	472033000584	ngày 30 tháng 8 năm 2010
	472033000584	ngày 29 tháng 11 năm 2011
	472033000584	ngày 13 tháng 5 năm 2013
	9830011883	ngày 20 tháng 3 năm 2017
	9830011883	ngày 7 tháng 6 năm 2017
	do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thành phố Đồng Nai)	

Các giấy phép đầu tư và giấy chứng nhận đăng ký đầu tư có giá trị trong 50 năm kể từ ngày cấp Giấy phép Đầu tư đầu tiên.

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số	3600241468	ngày 17 tháng 5 năm 2017
	3600241468	ngày 20 tháng 9 năm 2022
	3600241468	ngày 27 tháng 4 năm 2023
	3600241468	ngày 10 tháng 10 năm 2024
	do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Sở Tài chính Thành phố Đồng Nai)	
	3600241468	ngày 9 tháng 10 năm 2025
	3600241468	ngày 19 tháng 5 năm 2026
	do Sở Tài chính Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Sở Tài chính Thành phố Đồng Nai)	

203
C
C
Y
T
V
H

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thông tin về Công ty (tiếp theo)

Hội đồng Quản trị	Ông Shen Shang Pang Ông Shen Shang Tao Ông Shen Shang Hung Ông Shen San Yi Ông Hsu Ching Yao Ông Chen Chung Kuang Ông Pa Kuei Chuang Ông Lin Fu Chih	Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên
Ban Tổng Giám đốc	Ông Hsu Ching Yao Ông Huang Shih Che	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc
Ban Kiểm soát	Ông Hung Chung Ming Ông Chiu Tsung Jen Ông Wang Wen Ruey	Trưởng ban Thành viên Thành viên
Trụ sở đăng ký		
Trụ sở chính	Số 1, Đường 1A, Khu Công nghiệp Biên Hòa II Phường Trảng Biên, Thành phố Đồng Nai Việt Nam	
Chi nhánh	Thôn Hoàng Hòa Xã Mao Điền Thành phố Hải Phòng Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính giữa niên độ được trình bày từ trang 6 đến trang 40 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Tổng Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Hsu Chung Yao
Tổng Giám đốc

Thành phố Đồng Nai, ngày 14 tháng 8 năm 2026



Chi nhánh Công ty TNHH KPMG
Số 115 Đường Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) ("Công ty"), bao gồm báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 14 tháng 8 năm 2026, được trình bày từ trang 6 đến trang 40.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 – *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 26-01-00429-26-2



Phạm Thị Hoàng Anh
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 3434-2022-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Bành Thúy Phượng
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 4626-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 8 năm 2026

11/4/2026 14:11

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 160)	100		1.846.953.380.132	1.518.567.570.804
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	8	172.276.883.949	115.056.950.602
Tiền	111		151.276.883.949	115.056.950.602
Các khoản tương đương tiền	112		21.000.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		567.055.946.810	502.345.148.952
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	9	567.055.946.810	502.345.148.952
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		379.778.945.437	363.282.725.676
Phải thu của khách hàng	131	10	372.573.766.003	350.423.900.193
Trả trước cho người bán	132	11	8.133.162.525	13.833.249.979
Phải thu khác	135		95.976.197	49.534.792
Dự phòng phải thu khó đòi	136	10	(1.023.959.288)	(1.023.959.288)
Hàng tồn kho	140	12	614.619.275.238	454.334.770.875
Hàng tồn kho	141		619.610.447.690	456.738.344.225
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	142		(4.991.172.452)	(2.403.573.350)
Tài sản ngắn hạn khác	160		113.222.328.698	83.547.974.699
Chi phí chờ phân bổ ngắn hạn	161		5.803.771.997	2.776.898.378
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	162	18(a)	106.770.015.196	79.868.395.498
Thuế phải thu từ Nhà nước	163		-	217.182.974
Tài sản ngắn hạn khác	165		648.541.505	685.497.849
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 250 + 270)	200		91.859.692.800	78.666.048.694
Tài sản cố định	220		76.556.091.564	72.263.709.479
Tài sản cố định hữu hình	221	13	76.455.198.235	72.149.936.148
Nguyên giá	222		544.030.216.441	533.501.198.791
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(467.575.018.206)	(461.351.262.643)
Tài sản cố định vô hình	227		100.893.329	113.773.331
Nguyên giá	228		1.128.878.800	1.128.878.800
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.027.985.471)	(1.015.105.469)
Tài sản dở dang dài hạn	250		4.135.747.360	1.445.745.688
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	252	14	4.135.747.360	1.445.745.688
Tài sản dài hạn khác	270		11.167.853.876	4.956.593.527
Chi phí chờ phân bổ dài hạn	271	15	10.670.389.353	4.499.549.955
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	272		497.464.523	457.043.572
TỔNG TÀI SẢN (280 = 100 + 200)	280		1.938.813.072.932	1.597.233.619.498

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND (Phân loại lại)
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310)	300		1.292.981.288.752	956.243.067.190
Nợ ngắn hạn	310		1.292.981.288.752	956.243.067.190
Phải trả người bán	311	16	175.140.297.914	47.011.495.394
Người mua trả tiền trước	312		58.203.767.179	31.317.110.423
Phải trả cổ tức	313	17	52.156.989.400	-
Thuế phải nộp Nhà nước	314	18(b)	7.775.334.535	6.368.192.323
Phải trả người lao động	315		7.120.178.877	10.279.491.281
Chi phí phải trả	316		2.520.405.007	3.404.798.359
Phải trả khác	320		928.614.310	876.756.565
Vay ngắn hạn	321	19	989.135.701.530	856.985.222.845
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		645.831.784.180	640.990.552.308
Vốn cổ phần	411	20	306.899.450.637	306.899.450.637
Cổ phiếu mua lại của chính mình	415	21	(272.840.000)	(272.840.000)
Quỹ đầu tư và phát triển	418	22	133.717.831.294	115.941.020.149
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		205.487.342.249	218.422.921.522
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		145.467.063.082	99.910.847.223
- Lợi nhuận sau thuế kỳ này/năm trước	420b		60.020.279.167	118.512.074.299
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.938.813.072.932	1.597.233.619.498

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

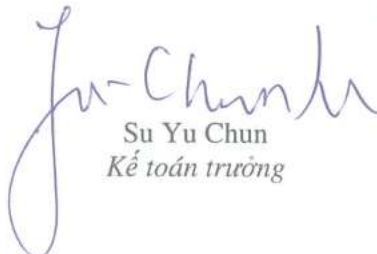
Người lập:

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật



Trần Bội Nghi
Kế toán tổng hợp



Su Yu Chun
Kế toán trưởng



Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 02a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Phân loại lại)
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	1.317.707.388.445	1.106.656.699.761
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	1.180.874.542.791	989.046.596.642
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		136.832.845.654	117.610.103.119
Doanh thu hoạt động tài chính	22	26	21.606.261.889	22.037.139.349
Chi phí tài chính	23	27	38.296.247.846	28.503.062.490
Trong đó: Chi phí đi vay	24		28.704.072.355	18.085.805.343
Chi phí bán hàng	25	28	22.810.593.842	20.499.738.232
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	24.046.544.685	21.061.216.959
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (22 - 23) - (25 + 26)}	30		73.285.721.170	69.583.224.787
Thu nhập khác	31		135.074.901	182.197.612
Chi phí khác	32		44.718.257	357.992.861
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		90.356.644	(175.795.249)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		73.376.077.814	69.407.429.538
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	13.396.219.598	13.187.402.419
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	31	(40.420.951)	136.564.244
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		60.020.279.167	56.083.462.875
(Điều chỉnh lại)				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	32	1.906	1.779

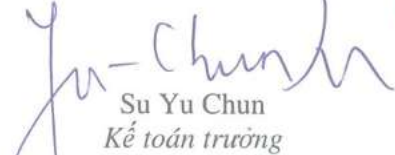
Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật


Trần Bội Nghi
Kế toán tổng hợp


Su Yu Chun
Kế toán trưởng


Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Phân loại lại)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01	73.376.077.814	69.407.429.538
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao	02	6.827.575.085	6.642.523.306
Các khoản dự phòng	03	2.587.599.102	(1.232.032.938)
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(238.143.949)	1.465.639.070
Lãi từ các hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính	05	(19.031.934.283)	(15.554.636.505)
Chi phí đi vay	06	28.704.072.355	18.085.805.343
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	92.225.246.124	78.814.727.814
Tăng các khoản phải thu	09	(41.321.038.673)	(54.978.537.597)
Tăng hàng tồn kho	10	(162.872.103.465)	(71.946.488.404)
Tăng, (giảm) các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	151.081.145.629	(6.030.165.695)
(Tăng), giảm chi phí chờ phân bổ	12	(9.197.713.017)	796.506.956
		29.915.536.598	(53.343.956.926)
Chi phí đi vay đã trả	14	(28.605.975.916)	(16.555.825.961)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(11.818.175.495)	(12.311.608.729)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(3.022.057.895)	(1.978.143.378)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(13.530.672.708)	(84.189.534.994)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(15.434.889.050)	(7.405.096.260)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định	22	83.350.000	-
Tiền chi gửi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(712.000.000.000)	(606.180.000.000)
Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	24	650.044.541.303	398.640.000.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	13.659.046.317	12.465.042.648
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(63.647.951.430)	(202.480.053.612)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
 ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

	Kỳ sáu tháng kết thúc			
Mã số	30/6/2026	30/6/2025	VND	VND
				(Phân loại lại)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ đi vay	33	1.310.126.679.187	1.102.486.833.814
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.175.832.771.966)	(723.701.496.659)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	134.293.907.221	378.785.337.155
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	57.115.283.083	92.115.748.549
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	115.056.950.602	122.872.810.825
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	104.650.264	(81.289.043)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	172.276.883.949	214.907.270.331

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật

Trần Bội Nghi
Kế toán tổng hợp

Su Yu Chun
Kế toán trưởng

Hsu Chung Yao
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh, sản xuất, bán và phân phối các loại dây điện, cáp, động cơ và máy bơm cho thị trường Việt Nam và nước ngoài.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Phường Trảng Biên, Thành phố Đồng Nai, Việt Nam (“Trụ sở chính”). Vào ngày 16 tháng 5 năm 2003, Công ty đã thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam) (“Chi nhánh”), bắt đầu hoạt động từ tháng 1 năm 2005, tại Thôn Hoàng Hòa, Xã Mao Điền, Thành phố Hải Phòng, Việt Nam theo Giấy phép Đầu tư số 414/GPĐC1-BKH-KCN-ĐN do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Tỉnh Đồng Nai cấp (nay là Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Thành phố Đồng Nai).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026, Công ty có 335 nhân viên (1/1/2026: 337 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính giữa niên độ

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)



(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính giữa niên độ này được lập cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn mới về chế độ kế toán doanh nghiệp

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp (“Thông tư 99”). Thông tư 99 thay thế hướng dẫn trước đây về Chế độ kế toán doanh nghiệp theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 200”) và các thông tư sửa đổi Thông tư 200. Thông tư 99 có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 và áp dụng cho các kỳ kế toán năm bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2026.

Công ty đã áp dụng các yêu cầu có liên quan của Thông tư 99 kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026 trên cơ sở phi hồi tố, có phân loại lại một số chỉ tiêu tương ứng, trừ trường hợp Thông tư 99 có quy định cụ thể khác. Những thay đổi trọng yếu trong các chính sách kế toán của Công ty và ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính giữa niên độ, nếu có, được trình bày trong các thuyết minh sau của báo cáo tài chính giữa niên độ:

- Các giao dịch bằng ngoại tệ (Thuyết minh số 4(a));
- Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (Thuyết minh số 4(c));
- Các khoản phải thu (Thuyết minh số 4(d)); và
- Phải trả cổ tức (Thuyết minh số 4(k)).

4. Những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính giữa niên độ này nhất quán với những chính sách kế toán được áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính năm gần nhất, ngoại trừ các chính sách kế toán được mô tả tại Thuyết minh 3.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng các đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Số dư các khoản tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình tại ngày kết thúc kỳ kế toán của ngân hàng thương mại nơi Công ty chính mở tài khoản tiền gửi.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá trị phân bổ trừ đi dự phòng tổn thất.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập đối với các khoản phải thu quá hạn hoặc được đánh giá là có khả năng không thu hồi được.

Dự phòng cho các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác quá hạn thanh toán được tính toán dựa trên phân tích tuổi nợ và mức trích lập dự phòng cụ thể như sau:

Tỷ lệ dự phòng

Quá hạn từ 6 tháng – 1 năm	30%
Quá hạn từ 1 – 2 năm	50%
Quá hạn từ 2 – 3 năm	70%
Quá hạn trên 3 năm	100%

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác không quá hạn nhưng được đánh giá là không có khả năng thu hồi dựa trên các bằng chứng sẵn có tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán được trích lập dự phòng theo từng trường hợp cụ thể.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với sản phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung được phân bổ phù hợp theo mức công suất bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 35 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 6 năm
▪ dụng cụ văn phòng	5 – 8 năm
▪ tài sản khác	2 – 7 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm vi tính

Giá mua của phần mềm vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán là tài sản cố định vô hình. Nguyên giá của phần mềm vi tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính trong 5 năm.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí chờ phân bổ dài hạn

(i) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

(ii) Phí hội viên câu lạc bộ golf

Phí hội viên câu lạc bộ golf được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 37 đến 40 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác và chi phí phải trả được thể hiện theo giá gốc.

(k) Phải trả cổ tức

Các khoản phải trả cổ tức được ghi nhận tại thời điểm Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty thông qua việc phân phối cổ tức cho các cổ đông.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(m) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(ii) Cổ phiếu mua lại của chính mình/Cổ phiếu quỹ

Trước ngày 1 tháng 1 năm 2021

Khi Công ty mua lại cổ phiếu đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi giảm vào vốn chủ sở hữu. Cổ phiếu đã mua lại trước ngày 1 tháng 1 năm 2021 được phân loại là cổ phiếu quỹ trong phần vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2021

Cổ phiếu quỹ/cổ phiếu mua lại của chính mình chỉ được ghi nhận đối với việc mua lại các cổ phiếu lẻ phát sinh khi phát hành cổ phiếu để trả cổ tức hoặc phát hành cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu theo phương án đã được thông qua, hoặc mua lại cổ phiếu lẻ theo yêu cầu của cổ đông. Cổ phiếu lẻ là cổ phiếu đại diện cho phần vốn cổ phần hình thành do gộp các phần lẻ cổ phần chia theo tỉ lệ cho nhà đầu tư.

Trong tất cả các trường hợp khác, khi mua lại cổ phiếu mà trước đó đã được ghi nhận là vốn chủ sở hữu, mệnh giá của các cổ phiếu mua lại phải được ghi giảm trừ vào vốn cổ phần.

Chênh lệch giữa mệnh giá của cổ phiếu mua lại và giá trị khoản thanh toán bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp, trừ đi thuế, được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

Thay đổi chính sách kế toán này được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2021 do các thay đổi trong các quy định pháp luật áp dụng đối với việc mua lại cổ phiếu.

Khi cổ phiếu quỹ/cổ phiếu mua lại của chính mình được bán ra sau đó (phát hành lại), giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Chênh lệch giữa giá trị khoản nhận được và giá vốn của cổ phiếu phát hành lại được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần.

(n) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp báo cáo tình hình tài chính cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, Quốc hội Việt Nam đã thông qua Nghị quyết về việc áp dụng Quy định về tổng hợp thu nhập chịu thuế tối thiểu (“IIR”) và Quy định về thuế thu nhập doanh nghiệp bổ sung tối thiểu nội địa đạt chuẩn (“QDMTT”). Các quy định này nhất quán và phù hợp với Quy định mẫu chống xói mòn cơ sở thuế toàn cầu Trụ cột 2 (“BEPS 2.0”) của OECD và có hiệu lực kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2024. Nghị quyết quy định các tập đoàn đa quốc gia có quy mô lớn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ở mức thuế suất tối thiểu toàn cầu là 15% trên lợi nhuận tại các quốc gia/ vùng lãnh thổ mà tập đoàn hoạt động. Trên cơ sở Nghị quyết này, ngày 29 tháng 8 năm 2025, Chính phủ Việt Nam ban hành hướng dẫn chi tiết thực hiện các quy định về thuế tối thiểu toàn cầu theo Nghị định số 236/2025/NĐ-CP, có hiệu lực từ ngày 15 tháng 10 năm 2025. Khoản thuế bổ sung tối thiểu toàn cầu phải nộp theo quy định của BEPS 2.0 được ghi nhận là thuế thu nhập hiện hành thuộc phạm vi của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (VAS) số 17 – Thuế thu nhập.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(o) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng. Tuy nhiên, thu nhập từ tiền lãi không được ghi nhận đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn đã được trích lập dự phòng tổn thất do không có khả năng thu hồi.

(p) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(q) Chi phí sản xuất kinh doanh

Chi phí sản xuất kinh doanh được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trừ trường hợp các chi phí liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán, các khoản chi phí này phải được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở phân bổ theo hệ thống hoặc theo tỷ lệ.

(r) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay và phí bảo lãnh. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

(s) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (“EPS”) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi trừ đi khoản phân bổ cho việc chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Trong kỳ, Công ty không có cổ phiếu phổ thông suy giảm tiềm năng. Do đó, việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)*

(t) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty chủ yếu hoạt động trong một bộ phận kinh doanh chính là kinh doanh, sản xuất và bán dây cáp điện và chủ yếu trong một vùng địa lý là Việt Nam.

(u) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(v) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như là một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ trước.

5. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty không phụ thuộc vào các biến động thời vụ.

6. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Không có thay đổi trọng yếu trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán được thực hiện khi lập báo cáo tài chính năm gần nhất hoặc báo cáo tài chính giữa niên độ của năm trước.

7. Các thay đổi trong cơ cấu của Công ty

Không có thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Công ty kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán năm gần nhất mà có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

8. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Tiền mặt	946.609.000	754.442.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	150.330.274.949	114.302.508.602
Các khoản tương đương tiền (**)	21.000.000.000	-
	172.276.883.949	115.056.950.602

(*) Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn chi tiết theo ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Mega International, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	129.057.846.820	63.671.329.670
Ngân hàng SinoPac, Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	511.545.040	10.274.781.143
The Shanghai Commercial & Saving Bank, Ltd., Chi nhánh Offshore Banking	472.577.010	13.254.053.812
Các ngân hàng khác	20.288.306.079	27.102.343.977
	150.330.274.949	114.302.508.602

(**) Các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày giao dịch và hưởng lãi suất năm là từ 4,8% trong kỳ.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)



9. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

		30/6/2026		1/1/2026	
	Lãi suất năm	Giá gốc/Giá trị phân bổ VND	Dự phòng VND	Giá gốc/Giá trị phân bổ VND	Dự phòng VND
				(Phân loại lại)	
Tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng bằng VND	5,9% - 8,7%	567.055.946.810	-	502.345.148.952	-



Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng với kỳ hạn gốc trên 3 tháng kể từ ngày giao dịch và thời gian đáo hạn còn lại không quá 12 tháng kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán.

Bao gồm trong tiền gửi có kỳ hạn tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng nhằm mục đích đảm bảo cho khoản tiền đã nhận trước từ khách hàng của Công ty với số tiền là 1.240 triệu VND (1/1/2026: 1.240 triệu VND).

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn chi tiết theo ngân hàng như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
		(Phân loại lại)
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Đồng Nai	284.247.013.717	80.624.000.000
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam, Chi nhánh Hải Dương	207.751.553.425	217.759.310.136
Ngân hàng TNHH Indovina, Chi nhánh Hải Phòng	73.817.249.315	-
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	-	162.231.260.277
Ngân hàng Thương mại Cổ phần E.SUN, Chi nhánh Đồng Nai	-	30.300.000.000
Các ngân hàng khác	1.240.130.353	11.430.578.539
	567.055.946.810	502.345.148.952



Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

10. Phải thu của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
<i>Bên liên quan khác</i>				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)	8.580.507.071	-	14.980.447.660	-
<i>Các bên thứ ba</i>				
Công ty TNHH Sản phẩm Công nghiệp Toshiba Asia	95.579.773.554	-	96.630.969.154	-
Công ty TNHH Nec Tokin Electronics Việt Nam	56.731.143.095	-	44.393.231.071	-
Công ty TNHH Nidec Việt Nam Corporation	49.106.859.695	-	42.390.641.598	-
Các khách hàng khác	162.575.482.588	(1.023.959.288)	152.028.610.710	(1.023.959.288)
	372.573.766.003	(1.023.959.288)	350.423.900.193	(1.023.959.288)

Các khoản phải thu thương mại từ một bên liên quan không được đảm bảo, không hưởng lãi và có thời hạn thu hồi là 90 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

11. Trả trước cho người bán

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Dongguan Tengyue Imp. and Exp. Co., Ltd	5.217.636.600	-
Guangzhou Jcc Copper Products Co., Ltd	1.590.153.502	-
Viettas's Company Limited	949.342.370	949.342.370
Hộ kinh doanh Khánh Hà Quốc	-	8.617.205.410
Công ty TNHH Phát triển Xây dựng Vĩnh Minh Việt Nam	-	2.600.640.000
Các nhà cung cấp khác	376.030.053	1.666.062.199
	8.133.162.525	13.833.249.979

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

12. Hàng tồn kho

	30/6/2026		1/1/2026	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường	233.161.356.767	-	137.771.451.127	-
Nguyên vật liệu	50.609.567.165	-	40.542.516.125	-
Sản phẩm dở dang	21.402.827.867	(719.772.557)	52.896.789.988	(686.076.016)
Thành phẩm	314.436.695.891	(4.271.399.895)	225.527.586.985	(1.717.497.334)
	619.610.447.690	(4.991.172.452)	456.738.344.225	(2.403.573.350)

Chi phí nguyên vật liệu và vật tư tiêu hao được phân bổ vào giá thành sản phẩm dựa trên các tiêu thức phân bổ phù hợp với đặc điểm của từng hoạt động kinh doanh (bao gồm nhưng không giới hạn ở sản lượng sản xuất, giờ công lao động trực tiếp, v.v.), nhằm đảm bảo giá thành sản phẩm được phản ánh hợp lý và nhất quán giữa các kỳ báo cáo.

Biến động trong kỳ của dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Số dư đầu kỳ	2.403.573.350	2.267.672.062
Tăng dự phòng trong kỳ	2.587.599.102	-
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	-	(1.232.032.938)
Số dư cuối kỳ	4.991.172.452	1.035.639.124

Trong hàng tồn kho tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 có 58.263 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm (1/1/2026: 30.085 triệu VND sản phẩm dở dang và thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Dụng cụ văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	155.609.452.530	348.930.398.887	15.304.044.195	5.796.247.977	7.861.055.202	533.501.198.791
Tăng trong kỳ	-	8.952.600.000	984.181.482	37.430.000	-	9.974.211.482
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	1.145.745.688	-	-	-	1.145.745.688
Thanh lý	-	(590.939.520)	-	-	-	(590.939.520)
Số dư cuối kỳ	155.609.452.530	358.437.805.055	16.288.225.677	5.833.677.977	7.861.055.202	544.030.216.441
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	122.307.311.413	314.842.939.930	11.993.163.190	5.065.326.780	7.142.521.330	461.351.262.643
Khấu hao trong kỳ	1.631.242.916	4.472.121.650	501.954.720	132.917.029	76.458.768	6.814.695.083
Thanh lý	-	(590.939.520)	-	-	-	(590.939.520)
Số dư cuối kỳ	123.938.554.329	318.724.122.060	12.495.117.910	5.198.243.809	7.218.980.098	467.575.018.206
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	33.302.141.117	34.087.458.957	3.310.881.005	730.921.197	718.533.872	72.149.936.148
Số dư cuối kỳ	31.670.898.201	39.713.682.995	3.793.107.767	635.434.168	642.075.104	76.455.198.235

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 360.149 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 (1/1/2026: 351.385 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

Các tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại chiếm hơn 10% tổng giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2026 và ngày 1 tháng 1 năm 2026 như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Hệ thống năng lượng mặt trời	9.596.444.704	-

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	1.445.745.688	3.092.276.182
Tăng trong kỳ	3.835.747.360	300.160.000
Chuyển từ hàng tồn kho	-	118.911.827
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	(1.145.745.688)	(3.089.436.182)
Số dư cuối kỳ	4.135.747.360	421.911.827

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn tại ngày kết thúc kỳ kế toán như sau:

	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND
Máy móc và thiết bị	3.835.747.360	1.145.745.688
Phần mềm vi tính	300.000.000	300.000.000
	4.135.747.360	1.445.745.688

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí chờ phân bổ dài hạn

	Công cụ và dụng cụ VND	Phí hội viên câu lạc bộ golf VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	3.529.429.064	970.120.891	4.499.549.955
Tăng trong kỳ	9.197.294.627	-	9.197.294.627
Phân bổ trong kỳ	(2.998.030.949)	(28.424.280)	(3.026.455.229)
Số dư cuối kỳ	9.728.692.742	941.696.611	10.670.389.353

16. Phải trả người bán

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.	4.529.776.544	3.729.362.558
Các bên thứ ba		
Guangzhou Jcc Copper Products Co., Ltd	80.667.055.286	-
Mitsui & Co., Ltd	72.166.769.983	32.138.682.679
Các nhà cung cấp khác	17.776.696.101	11.143.450.157
	175.140.297.914	47.011.495.394

Các khoản phải trả thương mại cho công ty mẹ cấp cao nhất không có đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả từ 30 đến 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

17. Phải trả cổ tức

Cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên của Công ty vào ngày 21 tháng 4 năm 2026 đã quyết định phân phối cổ tức với số tiền là 52.157 triệu VND (1.700 VND một cổ phiếu) (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 25.158 triệu VND (820 VND một cổ phiếu)). Khoản cổ tức này sẽ được phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Trụ sở chính và Chi nhánh với tỷ lệ lần lượt là 58,22% và 41,78% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: tỷ lệ lần lượt là 58,32% và 41,68%).

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)

Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

18. Thuế

(a) Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Hoàn lại VND	Cán trừ VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	79.868.395.498	117.991.490.534	(20.000.000.000)	(71.089.870.836)	106.770.015.196

(b) Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2026 VND	Phát sinh VND	Nộp VND	Cán trừ VND	Phân loại lại VND	30/6/2026 VND
Thuế giá trị gia tăng	-	71.089.870.836	-	(71.089.870.836)	-	-
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	75.136.825.929	(75.136.825.929)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.765.580.514	13.396.219.598	(11.818.175.495)	-	-	7.343.624.617
Thuế thu nhập cá nhân	602.611.809	1.630.488.308	(1.801.390.199)	-	-	431.709.918
Thuế xuất nhập khẩu	-	1.794.906.346	(1.794.906.346)	-	-	-
Các loại thuế khác	-	1.924.064.979	(1.706.882.005)	-	(217.182.974)	-
	6.368.192.323	164.972.375.996	(92.258.179.974)	(71.089.870.836)	(217.182.974)	7.775.334.535

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

19. Vay ngắn hạn

1/1/2026	Biến động trong kỳ		30/6/2026
	Giá trị ghi sổ VND	Hoàn trả VND	Giá trị ghi sổ VND
856.985.222.845	1.310.126.679.187	(1.175.832.771.966)	989.135.701.530

Vay ngắn hạn

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC
ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025

Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu
Chi trả thù lao cho các thành viên trong
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
Cổ tức (Thuyết minh 17)
Lợi nhuận thuần trong kỳ

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026

Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu
Chi trả thù lao cho các thành viên trong
Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát
Cổ tức (Thuyết minh 17)
Lợi nhuận thuần trong kỳ

Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

	Vốn cổ phần VND	Cổ phiếu mua lại của chính mình VND	Quỹ đầu tư và phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2025	306.899.450.637	(272.840.000)	104.304.882.632	138.683.205.358	549.614.698.627
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	11.636.137.517	(11.636.137.517)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(1.978.143.378)	(1.978.143.378)
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	(25.158.077.240)	(25.158.077.240)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	56.083.462.875	56.083.462.875
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	306.899.450.637	(272.840.000)	115.941.020.149	155.994.310.098	578.561.940.884
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2026	306.899.450.637	(272.840.000)	115.941.020.149	218.422.921.522	640.990.552.308
Phân bổ vào các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	17.776.811.145	(17.776.811.145)	-
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	-	-	-	(3.022.057.895)	(3.022.057.895)
Cổ tức (Thuyết minh 17)	-	-	-	(52.156.989.400)	(52.156.989.400)
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	60.020.279.167	60.020.279.167
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2026	306.899.450.637	(272.840.000)	133.717.831.294	205.487.342.249	645.831.784.180

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

21. Vốn cổ phần và cổ phiếu mua lại của chính mình

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty như sau:

	30/6/2026		1/1/2026	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	30.689.945	306.899.450.000	30.689.945	306.899.450.000
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.689.945	306.899.450.637	30.689.945	306.899.450.637
Cổ phiếu mua lại của chính mình				
Cổ phiếu phổ thông	(9.363)	(272.840.000)	(9.363)	(272.840.000)
Cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	30.680.582	306.626.610.637	30.680.582	306.626.610.637

Toàn bộ cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương đương với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức được công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông có quyền ngang nhau đối với phần tài sản thuần còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong kỳ.

22. Quỹ đầu tư và phát triển

Quỹ đầu tư và phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Quỹ này được thành lập cho mục đích mở rộng hoạt động kinh doanh trong tương lai. Khi quỹ được sử dụng để phát triển kinh doanh, khoản tiền đã sử dụng được chuyển sang vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài báo cáo tình hình tài chính

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Trong vòng một năm	3.986.642.424	3.986.642.424
Trong vòng hai đến năm năm	15.818.911.696	15.946.569.696
Sau năm năm	36.997.603.740	38.499.807.774
	56.803.157.860	58.433.019.894

Các tài sản thuê hoạt động bao gồm:

	Thời hạn thuê	31/12/2026 VND	1/1/2026 VND
Thuê đất và cơ sở hạ tầng	16 – 50 năm	53.101.075.860	54.347.963.894
Thuê văn phòng	10 năm	3.702.082.000	4.085.056.000
		56.803.157.860	58.433.019.894

(b) Ngoại tệ

	30/6/2026	1/1/2026
	Nguyên tệ	Nguyên tệ
	Tương đương VND	Tương đương VND
USD	2.884.616 75.306.002.822	2.182.670 56.917.352.986

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bao gồm:

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Tổng doanh thu		
▪ Bán thành phẩm	1.306.542.203.008	1.095.287.828.266
▪ Bán hàng hóa	-	2.858.387.392
▪ Bán phế liệu	10.540.391.346	7.852.471.367
▪ Cho thuê	624.794.091	658.012.736
	1.317.707.388.445	1.106.656.699.761

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Tổng giá vốn hàng bán và dịch vụ		
▪ Thành phẩm đã bán	1.178.238.429.549	986.635.518.565
▪ Hàng hóa đã bán	-	3.592.994.181
▪ Dịch vụ cho thuê	48.514.140	50.116.834
▪ Tăng/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	2.587.599.102	(1.232.032.938)
	1.180.874.542.791	989.046.596.642

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	16.506.652.601	15.379.493.937
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	4.861.465.339	6.657.645.412
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	238.143.949	-
	21.606.261.889	22.037.139.349

27. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
		(Phân loại lại)
Chi phí đi vay	28.704.072.355	18.085.805.343
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	9.592.175.491	8.951.618.077
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	-	1.465.639.070
	38.296.247.846	28.503.062.490

28. Chi phí bán hàng

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	8.632.702.681	7.407.665.402
Phí bản quyền và phí UL	6.980.603.754	6.554.014.824
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.919.078.141	2.288.433.452
Chi phí khác	5.278.209.266	4.249.624.554
	22.810.593.842	20.499.738.232

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nhân viên	12.138.394.778	11.708.674.598
Chi phí dịch vụ mua ngoài	8.287.340.746	6.686.186.903
Chi phí khác	3.620.809.161	2.666.355.458
	24.046.544.685	21.061.216.959

30. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu trong chi phí sản xuất	1.172.309.744.079	963.842.342.469
Chi phí nhân công và nhân viên	44.133.692.870	41.648.955.192
Chi phí khấu hao	6.827.575.085	6.642.523.306
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.833.152.466	23.483.548.062
Chi phí khác	37.431.332.001	32.584.051.298

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	13.396.219.598	13.187.402.419
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các khoản chênh lệch tạm thời	(40.420.951)	136.564.244
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	13.355.798.647	13.323.966.663

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	73.376.077.814	69.407.429.538
Thuế tính theo thuế suất của Trụ sở chính	11.006.411.672	10.411.114.431
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho Chi nhánh	993.825.507	2.104.350.228
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng cho các khoản thu nhập khác và các dự án đầu tư mở rộng	760.247.227	261.209.237
Chi phí không được khấu trừ thuế	595.314.241	547.292.767
	13.355.798.647	13.323.966.663

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Trụ sở chính

Theo các điều khoản trong Giấy phép Đầu tư, Trụ sở chính có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất là 15% trên lợi nhuận tính thuế. Ưu đãi thuế suất này không áp dụng đối với các khoản thu nhập từ các dự án mở rộng do Trụ sở chính đầu tư trước năm 2009 và sau năm 2015 và các khoản thu nhập khác; các khoản thu nhập này sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Chi nhánh

Chi nhánh có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông.

Mức thuế suất thuế thu nhập phổ thông áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

Việc xác định mức thuế phải trả còn phụ thuộc vào cách diễn giải của quy định thuế hiện hành. Tuy nhiên, các quy định này cũng có thể bị thay đổi theo từng thời kỳ và số phải trả thuế cuối cùng còn phải được cơ quan thuế xem xét.

32. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi khoản phân bổ cho việc chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát trong kỳ và số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ, được tính như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông trong kỳ	60.020.279.167	56.083.462.875
Chi trả thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	(1.530.517.119)	(1.682.503.886)
Điều chỉnh thù lao cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (**)	-	171.474.938
	<u>58.489.762.048</u>	<u>54.572.433.927</u>

(*) Số thù lao chi trả cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát được tạm ước tính ở mức 3% lợi nhuận thuần sau thuế của Công ty, sau khi đã trừ đi 15% cho quỹ đầu tư và phát triển trong kỳ. Tỷ lệ trích lập này bằng với tỷ lệ phân bổ được các cổ đông phê duyệt trong các kỳ trước.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(**) Số thù lao chi trả cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được điều chỉnh lại dựa trên tỷ lệ phân bổ thực tế đã được các cổ đông phê duyệt tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông Thường niên.

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	Kỳ sáu tháng kết thúc	
	30/6/2026	30/6/2025
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền đang lưu hành trong kỳ	30.680.582	30.680.582

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ sáu tháng kết thúc		
	30/6/2026 VND	30/6/2025 VND (Điều chỉnh lại) (*)	30/6/2025 VND (theo báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.906	1.779	1.773

(*) Việc điều chỉnh lại số liệu phản ánh ảnh hưởng của việc điều chỉnh thù lao chi trả cho các thành viên trong Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát như đã đề cập ở trên.

33. Các giao dịch và số dư chủ yếu với các bên liên quan

Trong kỳ và tại thời điểm cuối kỳ, Công ty có các giao dịch và số dư chủ yếu sau với các bên liên quan theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam:

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2026 VND	30/6/2025 VND	30/6/2026 VND	1/1/2026 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất				
Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd.				
Mua nguyên vật liệu	7.479.892.571	7.745.547.239	937.514.245	218.928.227
Phí bản quyền và phí UL (*)	6.980.603.754	6.554.014.824	3.592.262.299	3.510.434.331
Phí dịch vụ	5.077.507.500	5.128.500.000	-	-

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch		Số dư tại ngày	
	Kỳ sáu tháng kết thúc	Kỳ sáu tháng kết thúc	30/6/2026	1/1/2026
	30/6/2026	30/6/2025	30/6/2026	1/1/2026
	VND	VND	VND	VND
Công ty mẹ				
Taya Vietnam (Cayman) Holding Ltd.				
Cổ tức đã phân phối	41.743.792.400	20.135.241.040	41.743.792.400	-
Các bên liên quan khác				
Công ty TNHH Điện cơ Teco (Việt Nam)				
Bán thành phẩm	35.752.683.625	14.881.377.781	8.580.507.071	14.980.447.660
Cho thuê	-	658.012.736	-	-
Thù lao Thành viên quản lý chủ chốt				
Thù lao cho thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	5.902.843.996	4.942.632.216	-	-
Thù lao cho thành viên Ban Tổng Giám đốc	886.175.560	970.495.675	-	-
Cổ tức đã phân phối cho thành viên Hội đồng Quản trị	811.007.100	391.191.660	-	-
Phí bảo lãnh trả cho Ông Shen Shang Pang, Chủ tịch	1.191.944.864	968.780.868	918.991.507	954.092.066

- (*) Theo các thỏa thuận về bản quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL giữa Công ty và Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd., công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty có quyền sử dụng nhãn hiệu và giấy chứng nhận UL của 11 sản phẩm (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 11 sản phẩm) thuộc sở hữu của Taya Taiwan Electric Wire & Cable Co., Ltd. Cũng theo các thỏa thuận này, Công ty sẽ trả phí bản quyền bằng 1,1% (cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025: 1,1%) trên doanh thu thuần và phí sử dụng giấy chứng nhận UL bằng 0,1% trên doanh thu thực sự phát sinh từ các sản phẩm này.

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

34. Thông tin so sánh

Trừ các trường hợp được thuyết minh khác, thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2026 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025; thông tin so sánh cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025 được mang sang từ số liệu trình bày trong cáo tài chính giữa niên độ của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2025.

Như đã trình bày trong Thuyết minh 3, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2026, Công ty áp dụng Thông tư 99 trên cơ sở phi hồi tố. Một số thông tin so sánh đã được phân loại lại cho phù hợp với các quy định của Thông tư 99 liên quan đến việc trình bày báo cáo tài chính. Bảng so sánh số liệu đã trình bày trong kỳ trước, trước và sau khi được phân loại lại như sau:

(a) Báo cáo tình hình tài chính

		Mã số	1/1/2026 VND (đã phân loại lại)	Mã số	1/1/2026 VND (theo báo cáo trước đây)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	(i)	123	502.345.148.952	123	494.784.671.656
Phải thu khác	(i)	135	49.534.792	136	7.610.012.088

(b) Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

		Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2025 VND (đã phân loại lại)	Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc 30/6/2025 VND (theo báo cáo trước đây)
Chi phí tài chính					
Trong đó: Chi phí lãi vay	(ii)	-	23	17.117.024.475	
Trong đó: Chi phí đi vay	(ii)	24	18.085.805.343	-	

Công ty Cổ phần Dây và Cáp điện Taya (Việt Nam)
Thuyết minh báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2026 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Bộ Tài chính)

(c) Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

		Mã số	Kỳ sáu tháng kết thúc	
			30/6/2025	30/6/2025
			VND	VND
			(đã phân loại lại)	(theo báo cáo trước đây)
Lãi từ hoạt động đầu tư và tài chính	(iii)	05	(15.554.636.505)	(15.379.493.937)
Tiền chi trả nợ gốc vay	(iii)	34	(723.701.496.659)	(723.876.639.227)

- (i) Phân loại lại khoản lãi phải thu từ các khoản phải thu khác sang đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn.
- (ii) Phân loại lại phí bảo lãnh vào chi phí đi vay.
- (iii) Phân loại lại lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện phát sinh từ chi trả nợ gốc vay vào lãi từ hoạt động đầu tư và tài chính.

Phê duyệt, ngày 14 tháng 8 năm 2026

Người lập:

Kế toán trưởng

Người đại diện pháp luật


Trần Bội Nghi
Kế toán tổng hợp


Su Yu Chun
Kế toán trưởng


Hsu Ching Yao
Tổng Giám đốc